

Số: **63** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **04** tháng **4** năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP, ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BYT, ngày 08/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BYT, ngày 18/02/2022 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 55/TTr-SYT, ngày 20/02/2022; Công văn số 555/STC-QLG&CS, ngày 21/02/2022 của Sở Tài chính và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 323/STP-XD&KTVBQPPL, ngày 03/3/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Điểm a, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 16/2021/TT-BYT và Thông tư

02/2022/TT-BYT quy định:

“a) Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc các Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này: Việc xác định mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó mức giá bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm phản ứng) do cấp có thẩm quyền của địa phương quy định nhưng không vượt mức giá tối đa khung giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại cột 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này”

Khoản 7, Điều 1 Nghị định 149/2016/NĐ-CP (sửa đổi Điều 8 Nghị định 177/2013/NĐ-CP) quy định:

“3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật đối với: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) và gửi quyết định giá về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước; dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).”

2. Cơ sở và mức giá đề xuất

Tại Thông tư 16/2021/TT-BYT, Thông tư 02/2022/TT-BYT Bộ Y tế đã quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế; giá đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, các bệnh viện hạng đặc biệt, bệnh viện hạng I thuộc các Bộ, cơ quan trung ương và giá đối với các cơ sở y tế công lập thực hiện dịch vụ y tế dự phòng như sau:

- Mức giá gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (*chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm*) theo quy định tại Cột 1 Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT và Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT, ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế..

- Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng mức giá quy định tại Cột 1 Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT và Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT, ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế cộng với (+) Chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu nhưng không thanh toán cao hơn mức giá tối đa quy định tại Cột 2, Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT và Cột 2 Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT, ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Do đó để đảm bảo thống nhất về giá giữa Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn với giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế và giá của các cơ sở y tế công lập thực hiện dịch vụ y tế dự phòng, đề nghị quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 áp dụng với các cơ sở khám chữa bệnh thuộc địa

phương quản lý: Bảng mức giá quy định tại Cột 1 Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT, Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT, ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế cộng với (+) Chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu nhưng không cao hơn mức giá tối đa quy định tại Cột 2, Phụ lục I Thông tư 16/2021/TT-BYT, Cột 2 Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT, ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Nội dung trình

Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

3.1 Phạm vi, đối tượng áp dụng

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.


Đối tượng chưa tham gia bảo hiểm y tế; người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế nhưng đi khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3.2 Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (Có Phụ lục chi tiết kèm theo)


Các nội dung liên quan đến hướng dẫn xác định và thanh toán chi phí xét nghiệm SARS-CoV-2 thực hiện theo quy định của Thông tư 16/2021/TT-BYT, Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT, ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định hiện hành.

3.3. Thời gian có hiệu lực thực hiện: kể từ ngày 10/11/2021 áp dụng theo Thông tư số 16/2021/TT-BYT của Bộ Y tế. Kể từ ngày 21/02/2022 áp dụng theo Thông tư 02/2022/TT-BYT của Bộ Y tế.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 34/TTr-UBND, ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định. / 

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở: Tư Pháp, Tài chính, Y tế;
- CVP, PVP Lê Hữu Phước;
- Lưu: VT, KGVX_D. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Võ Văn Hưng

PHỤ LỤC**MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2***(Ban hành kèm theo Thông tư 16/2021/TT-BYT ngày 10/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Stt	Danh mục dịch vụ	Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm
A	B	1	2
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh	16.400	109.700
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động	38.500	186.600
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	166.800	518.400
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	63.200	
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	103.600	
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp		
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	94.300	
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	31.600	
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	62.700	
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que		270.100
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que		211.500
1.3.3	Trường hợp gộp 4 que		182.200
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que		164.600
2	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	76.000	
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	30.200	
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	45.800	
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que		134.600
2.3.2	Trường hợp gộp 7 que		126.200
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que		119.900
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que		115.000
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que		111.100
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	139.300	
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	65.900	
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	73.400	

3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu		315.100
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu		256.500
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu		227.200
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu		209.600
4	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	122.500	
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	66.800	
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	55.700	
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu		181.100
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu		172.700
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu		166.400
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu		161.500
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu		157.600

PHỤ LỤC

MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	Mức giá	
		Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm
A	B	1	2
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn	11.200	78.000
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/ bán tự động mẫu đơn, gồm:	30.800	178.900
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	212.700	
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400	
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	167.300	
3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		501.800
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp		
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	78.800	
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100	
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	54.700	
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que		223.300
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que		175.100
1.3.3	Trường hợp gộp 4 que		151.000
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que		136.600
2	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	62.500	
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300	
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	39.200	
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que		110.600

2.3.2	Trường hợp gộp 7 que		103.800
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que		98.600
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que		94.600
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que		91.400
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	112.500	
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.400	
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	64.100	
3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu		257.000
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu		208.800
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu		184.700
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu		170.300
4	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	97.200	
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	49.200	
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	48.000	
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu		145.300
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu		138.500
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu		133.300
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu		129.300
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu		126.100